

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-5-2024  
V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Quế Minh

Ông Nguyễn Nhật Thảo

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Q, sinh ngày 01-01-1988 (có mặt)  
Nơi cư trú: Tổ 14, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Hồng T (Đ), sinh năm 1990 (vắng mặt)  
Nơi cư trú: Tổ 19, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn và Tờ tự khai ngày 06-9-2023; Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm Q trình bày:

+Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hồng T kết hôn vào năm 2017, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang số 12, ngày 12-3-2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T hay nhậu, hành hạ và đánh đập bà, ông T bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

- +Về con chung: Không có con chung.
- +Về tài sản chung: Không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- +Về nợ chung: Không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ tự khai ngày 18-12-2023, bị đơn ông Nguyễn Hồng T trình bày:

+Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị Cẩm Q sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì mẹ vợ khó khăn với ông nên ông kêu vợ dọn đi, vợ không chịu và quyết định ly hôn nên ông không đồng ý.

- +Về con chung: Ông và bà Q không có con chung.
- +Về tài sản chung: Ông và bà Q có 5 chỉ rưỡi vàng.
- +Về nợ chung: Ông và bà Q không có nợ chung.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa; bị đơn ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Cẩm Q và ông Nguyễn Hồng T kết hôn vào năm 2017, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang số 12, ngày 12-3-2018 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà Q có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa bà Q và ông T, nhưng ông T không tham gia hòa giải và cho rằng không muốn ly hôn.

Xét thấy: Nguyên nhân bà Q xin ly hôn ông T là do bất đồng quan điểm sống, ông T hay nhậu, hành hạ và đánh đập bà Q. Ông T thì cho rằng mẹ vợ khó khăn không sống được và ông bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà Q và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Q được ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Q và ông T không có con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T cho rằng có 5 chỉ rưỡi vàng, Tòa án có thông báo cho ông T trình bày rõ loại vàng, hiện ai đang giữ và yêu cầu thế nào, nhưng ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với số vàng này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà **Q** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004572 ngày 16-10-2023 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16-5-2024)

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Q** được ly hôn với ông **Nguyễn Hồng T**.

[2] *Về án phí*: Nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Cẩm Q** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004572 ngày 16-10-2023 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[3] *Về quyền kháng cáo*:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16-5-2024)

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (đề thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Vĩnh Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Lý Đông Hoà**